



HAK

COMPANY PROFILE



haianhkhong.com
CHI TIẾT NHỎ - GẮN KẾT LỚN

MỤC LỤC

TABLE OF CONTENTS

02	Giới thiệu Introduction
03	Thông tin pháp lý Legal information
04	Thông tin công ty Company information
05	Triết lý kinh doanh Business Philosophy
06	Sơ đồ tổ chức Organizational chart
07	Lĩnh vực kinh doanh Business field
08	Định hướng phát triển Development orientation
09	Mục tiêu hoạt động Operational targets
10	Chính sách hoạt động Operational policy
11-16	Sản phẩm tiêu biểu Feature products
17-52	Kiểm định chất lượng Quality control
53	Đối tác Partners
54-58	Dự án tiêu biểu Typical projects

GIỚI THIỆU

INTRODUCTION

Công ty TNHH Hải Anh Khang hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu và phân phối các sản phẩm vật liệu công nghiệp, phụ kiện phục vụ cho thi công cơ điện (M&E).

Trước xu thế phát triển và sự cần thiết trong việc chủ động cung cấp vật tư đặc thù cho công trình, dự án. Chúng tôi quyết định xây dựng nhà máy chuyên sản xuất các sản phẩm công nghiệp phục trợ xây dựng như tủ điện, thang máng cáp, ống gió mềm, phụ kiện phục vụ cho thi công cơ điện (M&E) như thanh ren, đai treo, U bolt, bulong, tắc kê các loại... các sản phẩm gia công cơ khí theo bản vẽ. Sản phẩm của chúng tôi sản xuất theo tiêu chuẩn BS, JIS, DIN, ASTM. Quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Bằng sức trẻ sự nhiệt huyết, mọi thành viên HAK luôn phấn đấu không ngừng để tạo nên những sản phẩm chất lượng cao nhất cho khách hàng.

Chúng tôi đặt mục tiêu trở thành nhà sản xuất công nghiệp phụ trợ hàng đầu của Việt Nam. HAK cam kết luôn nỗ lực ở mức cao nhất để trở thành đối tác tin cậy của quý khách hàng.

Xin chân thành cảm ơn!

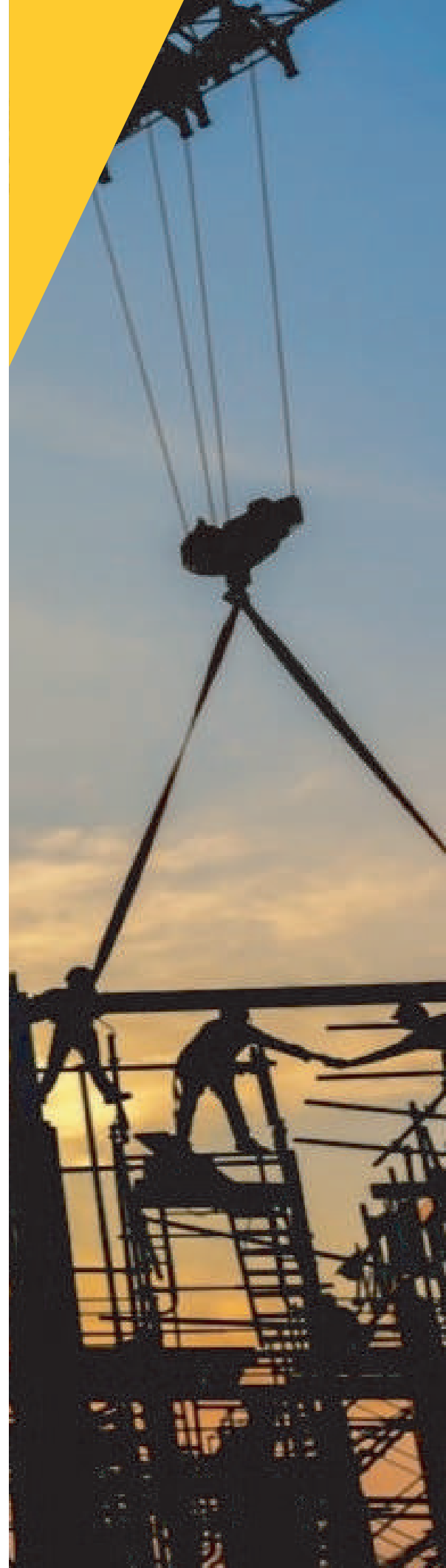
Hai Anh Khang Co., Ltd operates in the field of importing and distributing industrial materials and accessories for electromechanical construction (M&E).

Facing the development trend and the need to actively supply specific materials for works and projects, we decided to build a factory specializing in manufacturing supporting industrial products such as electrical cabinets, cable ladder, flexible duct, accessories for electromechanical construction (M&E) such as threaded bars, suspenders, U bolt, bolt, stopper of all kinds... mechanical products according to drawings. Our products are manufactured according to BS, JIS, DIN, ASTM standards. Product quality management according to ISO 9001: 2008.

With youth and enthusiasm, every member of HAK is constantly striving to create the highest quality products for customers.

We aim to become a leading supporting industry manufacturer in Vietnam. HAK commits to always strive at the highest level to become a reliable partner of our customers.

Thank you very much!



► THÔNG TIN PHÁP LÝ

LEGAL INFORMATION

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGÔ VIỆT HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/07/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 093090000090

Ngày cấp: 31/03/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 108/64A1 Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 32A Đường 60, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0316713416

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 02 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HAI ANH KHANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI ANH KHANG COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HAI ANH KHANG CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

108/64A1 Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0987 033 345

Fax: 0987 033 345

Email: ngoviet.hai07@gmail.com

Website: Haianhkhang.com

3. Vốn điều lệ

1.200.000.000 đồng

Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGÔ VIỆT HẢI	Việt Nam	108/64A1 Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1.080.000.000	90,00%	09309000009	
2	VÕ THỊ TRÂM ANH	Việt Nam	108/64A1 Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	120.000.000	10,00%	C4395795	

► THÔNG TIN CÔNG TY

COMPANY INFORMATION

Tên công ty / Company name:	CÔNG TY TNHH HẢI ANH KHANG HAI ANH KHANG CO., LTD
Tên giao dịch / Commercial name:	HAI ANH KHANG CO., LTD
Mã số thuế / Tax code:	0316713416
Địa chỉ / Address:	108/64A1 Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3, TP.HCM 108/64A1 Tran Quang Dieu Street, Ward 14, District 3, HCMC
Đại diện / Representative:	NGÔ VIỆT HẢI – Giám đốc NGO VIET HAI - Director
Điện thoại / Phone number:	0987.033.345
Website:	www.haianhkhong.com

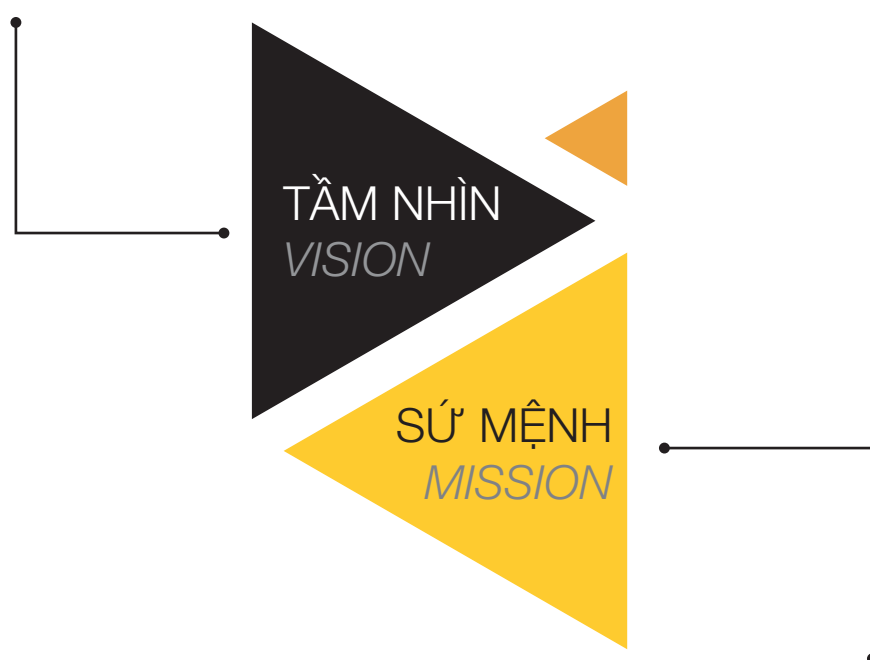


► TRIẾT LÝ KINH DOANH

BUSINESS PHILOSOPHY

Xây dựng Công ty TNHH Hải Anh Khang trở thành một doanh nghiệp phát triển bền vững – chuyên nghiệp – uy tín với khách hàng và đối tác trong lĩnh vực cung cấp và phân phối các sản phẩm vật liệu công nghiệp, phụ kiện M&E

Build Hai Anh Khang Co., Ltd to become a sustainable - professional - reputable enterprise for customers and partners in the field of supplying and distributing industrial materials and M&E accessories



Đối với khách hàng: Cung cấp cho khách hàng những giải pháp hiệu quả, tiết kiệm chi phí và đảm bảo chất lượng dự án

Đối với đối tác: Xây dựng mối quan hệ tin cậy, uy tín, hợp tác cùng phát triển bền vững

Đối với nhân viên: Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và thân thiện để mọi người có thể phát huy hết khả năng của mình

Đối với xã hội: Luôn ý thức lợi ích của công ty gắn liền với lợi ích xã hội và cộng đồng

For customers: Provide customers with effective solutions, save costs and ensure project quality

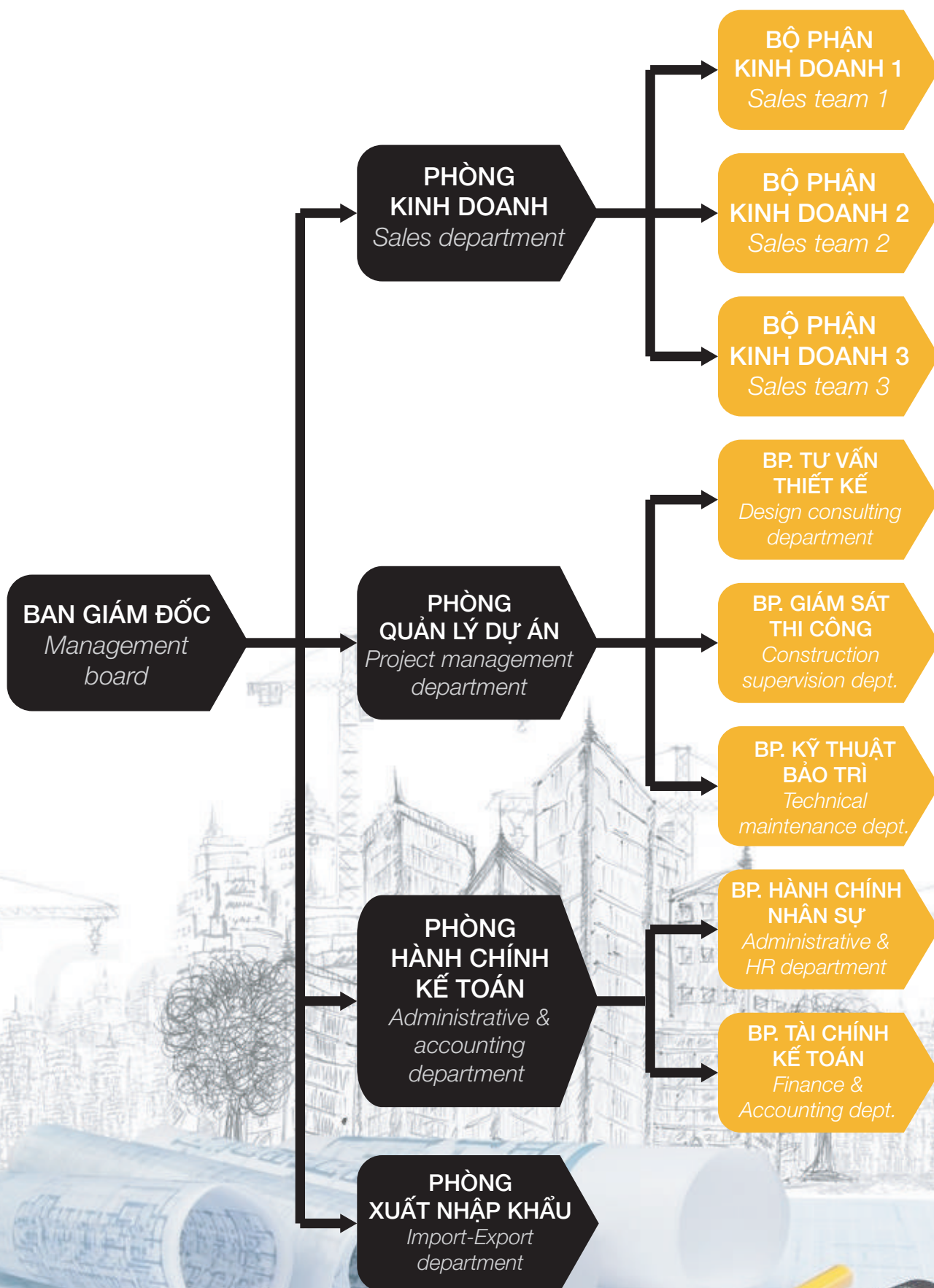
For partners: Building a relationship of trust, credibility, cooperation for sustainable development

For employees: Building a professional, dynamic, creative and friendly working environment so that everyone can bring out their full potential.

For society: Always aware of the company's interests associated with social and community benefits.

► SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ORGANIZATIONAL CHART



► LĨNH VỰC KINH DOANH

BUSINESS FIELD

PHỤ KIỆN TREO ỐNG

Bao gồm các loại phụ kiện treo ống như thanh ren, đai treo ống, đai ốc, bulong, nối ty, kẹp xà gồ...; thanh chống đa năng, thép hình và tôn nhựa... và các phụ kiện khác

PIPE HANGING FITTINGS

Including pipe hanging accessories such as threaded rod, pipe hanger belt, nut, bolts, T connection, purlin glue ...; multi-function struts, shaped steel and plastic corrugated iron... and other accessories

VẬT TƯ LẠNH, CÁCH NHIỆT, CÁCH ÂM VÀ CHỐNG CHÁY

Bao gồm ống gió mềm cách nhiệt, các loại cao su lưu hóa cách nhiệt – cách âm, gối đỡ foam PU, khớp nối mềm chống cháy, ron ống gió và vật tư phụ khác

REFRIGERATION, HEAT INSULATION, SOUND-PROOF & FIREPROOF MATERIALS

Includes insulated soft duct, heat-proof vulcanized rubbers, PU foam support, flame-retardant flexible couplings, duct seals and other accessories

CHẤT TRÁM KHE, KEO DÁN & KEO BỌT NỖ PU

Bao gồm các chất trám khe chuyên dụng, keo dán xây dựng & công nghiệp, keo dán gỗ, keo bọt nở PU, các sản phẩm chuyên dụng sản xuất và lắp đặt cửa, keo chống cháy và các vật tư phụ khác

SEALANTS, ADHESIVES & FOAMING GLUE

Includes specialized sealants, industrial & construction adhesives, wood adhesives, PU foam adhesives, door manufacturing and installation specialized products, flame retardant glues and other accessories.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

DEVELOPMENT ORIENTATION

Với phương châm **“Chi tiết nhỏ - Gắn kết lớn”**, Hải Anh Khang luôn tập trung vào việc phát triển và cung cấp những giải pháp cho thi công công trình M&E hoàn thiện với chất lượng tốt nhất từ những chi tiết nhỏ nhất

UY TÍN – CHẤT LƯỢNG – CHUYÊN NGHIỆP – TẬN TÂM

- Từng bước hoàn thiện về cơ cấu tổ chức, nhân sự của công ty.
- Tiếp tục thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, xây dựng và phát triển Công ty thành Công ty mạnh, bền vững, có tốc độ tăng trưởng nhanh và có tính cạnh tranh cao.
- Thường xuyên quan tâm đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn và tay nghề cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, cùng với việc đầu tư thiết bị công nghệ tiên tiến và sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại, nâng cao năng lực kinh doanh, phát triển và mở rộng liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để phát triển năng lực Công ty là doanh nghiệp vững mạnh với năng lực cạnh tranh cao trong nước và quốc tế.
- Tập trung xây dựng và quảng bá thương hiệu của công ty, xây dựng công ty trở thành một doanh nghiệp có quy mô và uy tín hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp vật liệu công nghiệp, phụ kiện phục vụ cho thi công cơ điện (M&E)... tại Việt Nam.

With the motto **"Small details - Big connection"**, Hai Anh Khang always focuses on developing and providing solutions for complete M&E project construction with the best quality from the smallest details.

REPUTATION - QUALITY - PROFESSIONALISM - CONSCIENTIOUSNESS

- Gradually improving the company's organizational structure and personnel.
- Continue to arrange and renovate businesses, build and develop the Company into a strong, sustainable, fast growing and highly competitive company.
- Regularly pay attention to training to improve management, expertise and skills for the staff, along with the investment in advanced technology equipment and production and business to improve production efficiency.
- Strengthen the construction of technical facilities, apply advanced and modern science and technology, improve business capacity, develop and expand joint ventures, and linkages with internal and external partners.
- The company is a strong enterprise with high competitiveness domestically and internationally.
- Focusing on building and promoting the company's brand, building the company to become a leading enterprise of scale and prestige in the field of supplying industrial materials and accessories for electromechanical construction (M&E) ... in Vietnam.

► MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG OPERATIONAL TARGETS



TẬN TÂM, TRÁCH NHIỆM, UY
TÍN LÀ ĐẶC TRƯNG TRONG
PHƯƠNG THỨC KINH DOANH
CỦA CHÚNG TÔI

*DEDICATION, RESPONSIBILITY,
REPUTATION ARE FEATURED
IN OUR BUSINESS APPROACH*

Hoạt động với ý thức cao về sự uy tín đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự tín nhiệm và tin tưởng của khách hàng, đối tác, nhân viên, và những người có quyền lợi liên quan. Sự tín nhiệm và tin tưởng này yêu cầu tính trách nhiệm trong phương thức kinh doanh của chúng tôi. Việc tạo ra một môi trường trách nhiệm, tận tâm trong khi tiến hành kinh doanh là một ưu tiên hàng đầu mà chúng tôi tuân thủ. Quy tắc đạo đức kinh doanh của chúng tôi là cam kết hoạt động một cách trung thực và thẳng thắn.

CÔNG TY TNHH HẢI ANH KHANG luôn trân trọng giá trị nền tảng cho sự phát triển, đó là các cơ hội được hợp tác với Quý đối tác và khách hàng. Và không có bất kỳ khó khăn nào có thể ngăn cản chúng tôi mang lại những giá trị cho Quý khách hàng. Chúng tôi tin tưởng rằng với tập thể HAK đoàn kết, vững mạnh và sự ủng hộ của Quý vị, chúng tôi chắc chắn sẽ gặt hái được nhiều thành công hơn nữa trong tương lai.

Working with a high sense of credibility plays an important role in maintaining the trust and confidence of customers, partners, employees, and stakeholders. This credibility and trust demand accountability in the way we do business. Creating a responsible, dedicated environment while conducting business is a top priority we adhere to. Our code of business ethics is our commitment to act honestly and clearly.

HAI ANH KHANG CO., LTD always respects the fundamental value for development, which is the opportunity to cooperate with your partners and customers. And there are not any difficulties that can prevent us from bringing values to our customers. We believe that with the united, strong HAK team and your support, we will surely achieve even more success in the future.

**CHẤT LƯỢNG - UY TÍN - TIẾN ĐỘ LUÔN ĐÁP
ỨNG MỌI TIẾN ĐỘ**

QUALITY - PRESTIGE - PROGRESS MEET EVERY PROGRESS

CHÍNH SÁCH HOẠT ĐỘNG

OPERATIONAL POLICY

CÔNG TY TNHH HẢI ANH KHANG là nhà nhập khẩu và phân phối các sản phẩm vật liệu công nghiệp, phụ kiện phục vụ cho thi công cơ điện (M&E) tại thị trường Việt Nam.

Từ khi thành lập đến nay, Hải Anh Khang đã và đang khẳng định được vị thế thương hiệu của mình trong lĩnh vực kinh doanh nói chung. Mọi cố gắng và nỗ lực đều mang lại cho bạn sự thành công như mong đợi, chính vì điều đó với sự tận tâm, nghiêm túc của đội ngũ cán bộ cũng như kỹ thuật Hải Anh Khang đã từng bước xây dựng chuỗi sản phẩm đa dạng và chi tiết nhất với chất lượng tốt. Điển hình là các sản phẩm phụ kiện treo ống, các loại vật tư cách nhiệt, cách âm và keo dán xây dựng...

HAI ANH KHANG CO., LTD is an importer and distributor of industrial materials, accessories for electromechanical construction (M&E) in Vietnam market.

Since its establishment up to now, Hai Anh Khang has been affirming its brand position in the general business field. Every effort will bring you success as expected, because of that, with the dedication and seriousness of Hai Anh Khang's staff and technicians, step by step building a most detailed and formatted multi-product chain with good quality. Typical products are pipe fittings, heat insulation materials, sound insulation and building adhesives...



HỢP ĐỒNG RÕ RÀNG

Hợp đồng rõ ràng trong công việc sẽ giúp chúng tôi và khách hàng hiểu nhau, tôn trọng nhau

CLEAR CONTRACT

Clear contracts at work will help us and customers understand each other, respect each other.



SẢN PHẨM VƯỢT TRỘI

Sản phẩm của chúng tôi luôn vượt trội so với giá thành và những sản phẩm cùng phân khúc

OUTSTANDING PRODUCT

Our products consistently outperform prices and products in the same segment



LUÔN ĐÚNG TIẾN ĐỘ

Khách hàng và đối tác sẽ luôn yên tâm vì luôn đúng tiến độ công trình

ALWAYS ON SCHEDULE

Customers and partners will always feel secure because they are always on schedule



BẢO HÀNH BẢO TRÌ

Chúng tôi thực hiện chính sách bảo trì bảo dưỡng tin cậy cho khách hàng

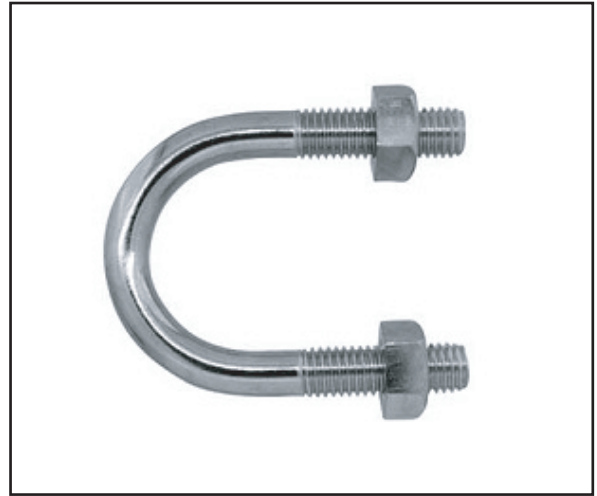
MAINTENANCE

We implement a reliable maintenance policy for our customers

► SẢN PHẨM TIÊU BIỂU | FEATURE PRODUCTS



Thanh ren (*Threaded rod*)



Bulong U (*U bolt*)



Đai ốc (*Nut*)



Tán lò xo (*Spring studs*)



Tắc kê (*Stopper*)



Nối ty & đai chặn
(*T connection & back nut*)

► SẢN PHẨM TIÊU BIỂU | FEATURE PRODUCTS



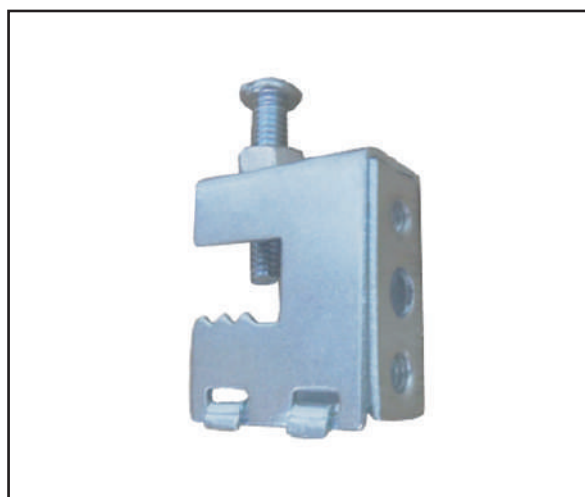
Đai treo ống (*Pipe hanger belt*)



Kẹp xà gồ cong D (*D purlin clamp*)



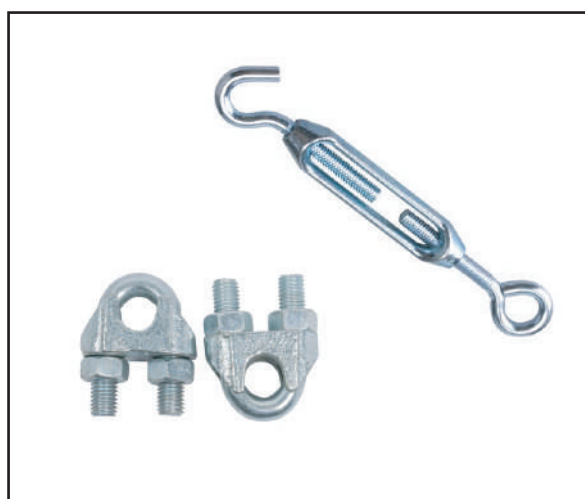
Kẹp ống (*Hose clamps*)



Kẹp xà gồ (*Purlin clamp*)



Dây cáp thép (*Steel cables*)



Tăng đưa & ốc xiết
(*Turnbuckle & screw tightening*)

► SẢN PHẨM TIÊU BIỂU | FEATURE PRODUCTS



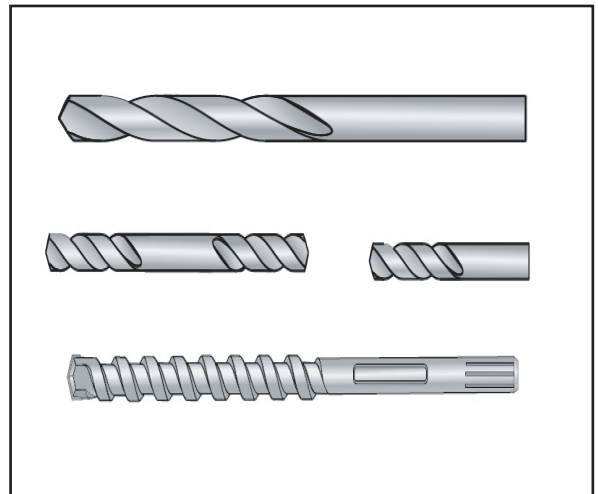
Bulong hóa chất (*Chemical bolt*)



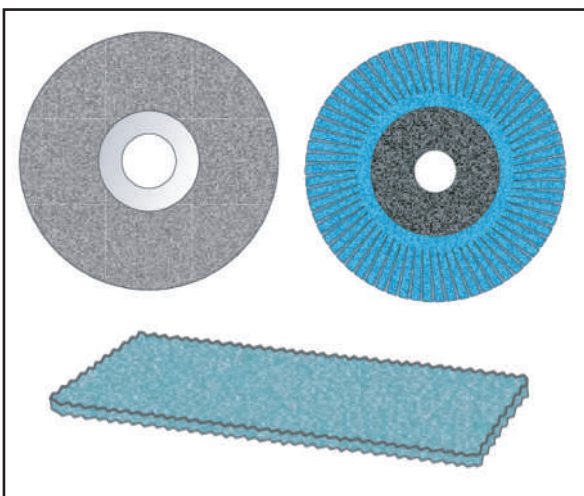
Bulong neo (*Anchor bolt*)



Vít rivets (*Viret screw*)



Mũi khoan (*Countersink*)

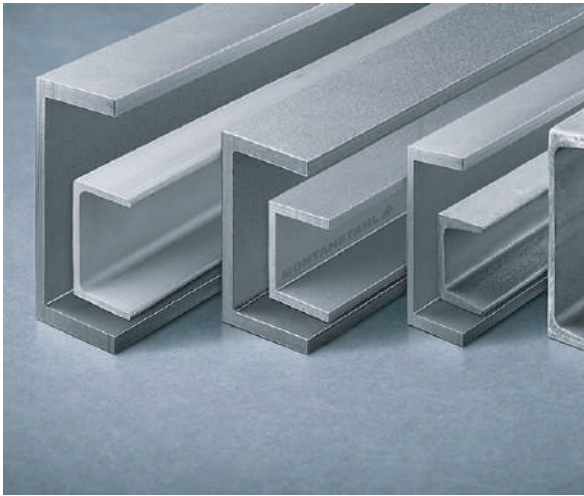


Đá cắt (*Cutting stone*)



Thanh chống đa năng
(*Multi-purpose struts*)

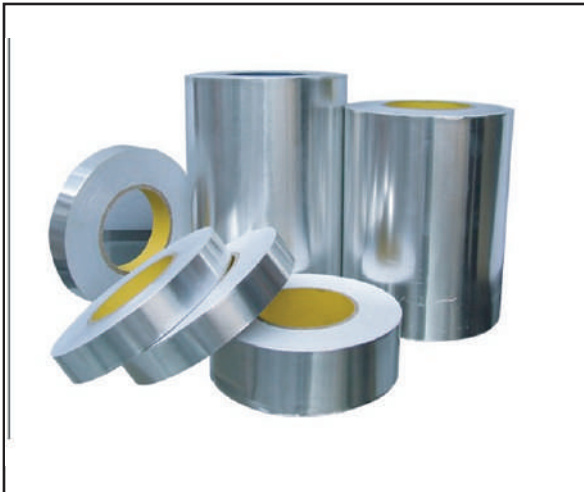
► SẢN PHẨM TIÊU BIỂU | FEATURE PRODUCTS



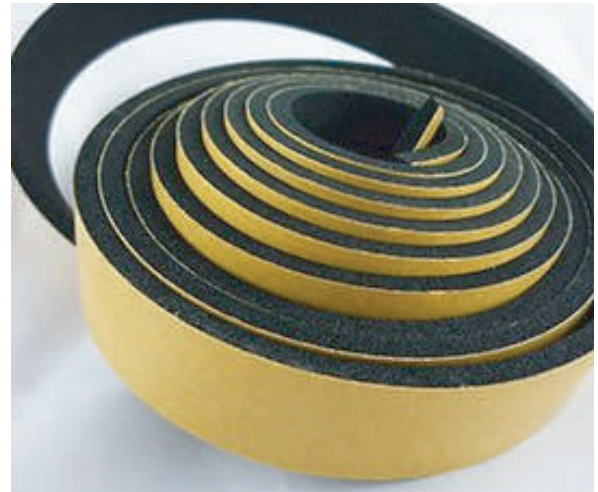
Thép hình (*Shaped steel*)



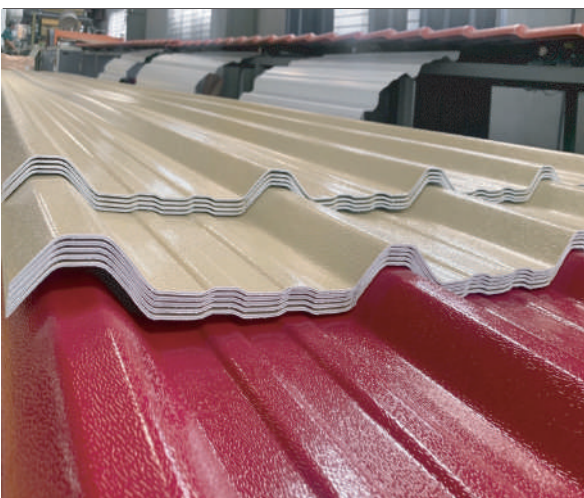
Ống gió mềm (*Soft air duct*)



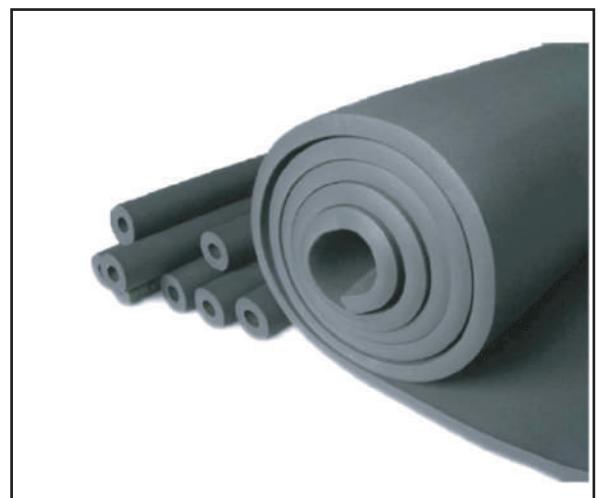
Băng keo nhôm (*Aluminum tape*)



Gioăng dán ống gió (*Gasket for air duct*)



Tôn nhựa (*Plastic corrugated iron*)



Cao su lưu hóa cách nhiệt
(*Vulcanized rubber for insulation*)

▶ SẢN PHẨM TIÊU BIỂU | FEATURE PRODUCTS



Cách nhiệt Artilon/P.E (*Artilon/P.E insulation*)



Bông cách nhiệt (*Cotton insulation*)



Gối đỡ foam PU (*PU foam abutment*)



Khớp nối mềm chống cháy
(*Flexible flame retardant coupling*)



Ron ống gió/chống cháy
(*Duct/fireproof gasket*)



Silicone

► SẢN PHẨM TIÊU BIỂU | FEATURE PRODUCTS



Chất trám khe (Sealants)



Keo dán xây dựng (Construction adhesive)



Keo dán gỗ (Wood glue)



Keo bọt nở PU (PU foam adhesive)



Keo chống cháy (Flame retardant glue)



Sản phẩm chuyên dụng lắp đặt cửa (Products dedicated to installing doors)

▶ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

  		ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN 3 3 SAFETY INSPECTION JOINT STOCK COMPANY Add: 130/17 Điện Biên Phủ St., Ward 17, Bình Thạnh Dist., Ho Chi Minh City Tel: 028. 3512 2321 - 028. 3519 6415 - Fax: 028. 3510.5211 - 028.3840.4643 Email: sic3@kiemdinhantoan3.com.vn - Website: www.kiemdinhantoan3.com.vn		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC Ngày 11 tháng 01 năm 2021	
Số: <u>..AQ.....</u> /KĐ-SIC3		PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)		11/01/2021	
1. Tên mẫu/ Số lượng: Name of sample/ Quantity:		Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu)			
2. Mô tả mẫu: Description		Bulan Inox 304 (M8x25; M10x30; M16x60)			
3. Ngày nhận mẫu: Date of receiving		11/01/2021			
4. Nơi gửi mẫu: Customer					
5. Địa chỉ: Address					
6. Địa điểm thử nghiệm: Location of testing		Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHS (LAS – XD 238)			
7. Phương pháp thử nghiệm: Test method:		TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 ASTM A666-00; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng			
8. Thiết bị thử nghiệm: Equipment		Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo – nén – uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch			
9. Kết quả: Test results		Xem trang sau			
Người thực hiện (Verifier)  KS. Trần Tuấn Kha		P.GIÁM ĐỐC (P. Director)  PHÓ GIÁM ĐỐC KS. Bùi Đình Hiền			
Ghi chú Note: (*) Không quy định/ Not specified 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ Test results are valid for the namely submitted samples(s) only. 2. Mẫu kiểm tra được thực hiện bởi đơn vị có chức năng thực hiện theo Tiêu chuẩn và Quy định hiện hành Việt Nam./ Sample testing is done by a functional agency in accordance with current regulations, Vietnamese Standards and Standards 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu nơi gửi mẫu./Name of sample and customer are written as customer's request 4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time save sample seven to day from to day have results.					
www.kiemdinhantoan3.com.vn					

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

Số: ...10.../KĐ-SIC3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT		11/01/2021
----------------------	---	--	------------

9. Kết quả/Test results :

Tên chỉ tiêu (Specifications)			Kết quả (Test results)
A . THỬ KÉO/ TENSILE TEST:			
1.	Thử kéo Bulon & đai ốc M8x25 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	12,5
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	421
2.	Thử kéo Bulon & đai ốc M10x30 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	14,8
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	439
3.	Thử kéo Bulon & đai ốc M16x60 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	23,4
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	458
B . PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HÓA/ CHEMICAL COMPOSITION:			
KÝ HIỆU MẪU/ ID SAMPLE : Bulon M16x60 ASTM A666-00 : INOX 304		Mức SS chuẩn cho phép/ Criteria to SS grade ASTM A666-00	Kết quả thử nghiệm/ Test results
9.1. Hàm lượng Carbon/Carbon content:	(C) %	(0 ÷ 0.08)	0.016
9.2. Hàm lượng Mangan/Manganese content:	(Mn) %	(0 ÷ 2.00)	0.990
9.3. Hàm lượng Silic/Silic content:	(Si) %	(0 ÷ 0.75)	0.270
9.4. Hàm lượng Phốt pho/Phosphorus content	(P) %	(0 ÷ 0.045)	0.035
9.5. Hàm lượng Lưu huỳnh/Sulfua content	(S) %	(0 ÷ 0.030)	0.005
9.6. Hàm lượng Niken/Nickel content	(Ni) %	(0 ÷ 10.5)	8.0
9.7. Hàm lượng Crom/Chromium content:	(Cr) %	(0 ÷ 20)	18
9.8. Hàm lượng Ni tơ/Nitro content:	(N) %	(0 ÷ 0.10)	0

* Kết luận: Mẫu thử phù hợp với chỉ tiêu.
Conclusion: test sample in accordance with the criteria.

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

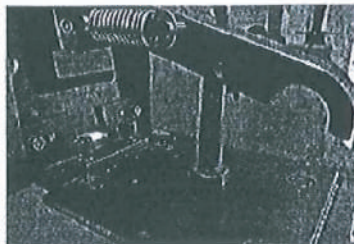
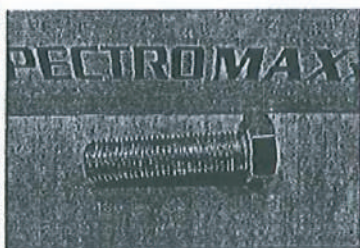
* Hình mẫu thử :

Số/No: 210115 HH.MT.HGPAD0 AAS-XD238

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM/ TEST REPORT

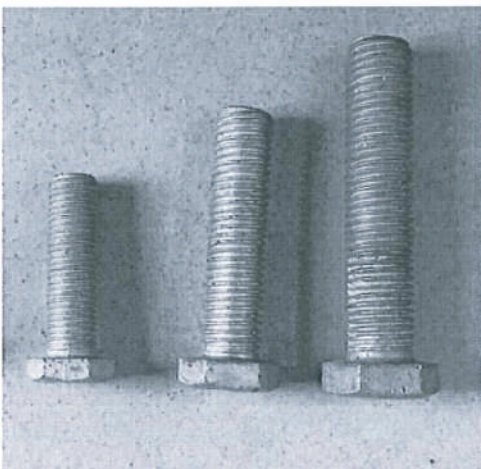
PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HÓA HỌC CỦA THÉP/

III. HÌNH ẢNH MẪU THỬ / PICTURE OF SAMPLE:



Sample Result Name	Type	Measure Date Time	Recalculation Date Time	Origin
210128 BULONG	Unknown	15/01/2021 13:52	15/01/2021 13:51	Measured
Method Name	Check Type	Check Status	Correction Type	Outlier Test Type
Fe 51 GP	None	Not Used	None	None
Status	Not Used			

Sample Name	Grade Norm					Grade ID							
210128 BULONG M16													
C	Si	Mn	P	S	Cr	Mo	Ni	Al	Cu	Cu	As	H	
Conc	Conc	Conc	Conc	Conc	Conc	Conc	Conc	Conc	Conc	Conc	Conc	Conc	
%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	
Exp 0.018	0.27	0.19	0.020	0.005	18.31	0.003	0.18	0.007	0.22	0.75	0.001	<0.0010	
V	Y	Pb	Fe										
Conc	Conc	Conc	Conc										
%	%	%	%										
Exp 0.012	0.012	<0.005	71.7										



▶ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

			ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN 3 3 SAFETY INSPECTION JOINT STOCK COMPANY Add: 198/17 Điện Biên Phủ St., Ward 17, Bình Thạnh Dist., Ho Chi Minh City Tel: 028. 3512 2321 - 028. 3510 6415 - Fax: 028. 3510 6211 - 028. 3840 4843 Email: sic3@kiemdinhantoan3.com.vn - Website: www.kiemdinhantoan3.com.vn	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Ngày 11 tháng 01 năm 2021																	
Số: ...09.../KĐ-SIC3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)		11/01/2021																		
<table border="0"> <tr> <td>1. Tên mẫu/ Số lượng: <i>Name of sample/ Quantity:</i></td> <td>Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu)</td> </tr> <tr> <td>2. Mô tả mẫu: <i>Description</i></td> <td>Bulon Nhúng nóng (M8x25; M10x25; M12x30; M16x60; M18x80; M20x100)</td> </tr> <tr> <td>3. Ngày nhận mẫu: <i>Date of receiving</i></td> <td>11/01/2021</td> </tr> <tr> <td>4. Nơi gửi mẫu: <i>Customer</i></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5. Địa chỉ : <i>Address</i></td> <td></td> </tr> <tr> <td>6. Địa điểm thử nghiệm: <i>Location of testing</i></td> <td>Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHS (LAS – XD 238)</td> </tr> <tr> <td>7. Phương pháp thử nghiệm <i>Test method:</i></td> <td>TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 ASTM A666-00; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng</td> </tr> <tr> <td>8. Thiết bị thử nghiệm <i>Equipment</i></td> <td>Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo – nén – uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch</td> </tr> <tr> <td>9. Kết quả : <i>Test results</i></td> <td>Xem trang sau</td> </tr> </table>				1. Tên mẫu/ Số lượng: <i>Name of sample/ Quantity:</i>	Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu)	2. Mô tả mẫu: <i>Description</i>	Bulon Nhúng nóng (M8x25; M10x25; M12x30; M16x60; M18x80; M20x100)	3. Ngày nhận mẫu: <i>Date of receiving</i>	11/01/2021	4. Nơi gửi mẫu: <i>Customer</i>		5. Địa chỉ : <i>Address</i>		6. Địa điểm thử nghiệm: <i>Location of testing</i>	Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHS (LAS – XD 238)	7. Phương pháp thử nghiệm <i>Test method:</i>	TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 ASTM A666-00; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng	8. Thiết bị thử nghiệm <i>Equipment</i>	Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo – nén – uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch	9. Kết quả : <i>Test results</i>	Xem trang sau
1. Tên mẫu/ Số lượng: <i>Name of sample/ Quantity:</i>	Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu)																				
2. Mô tả mẫu: <i>Description</i>	Bulon Nhúng nóng (M8x25; M10x25; M12x30; M16x60; M18x80; M20x100)																				
3. Ngày nhận mẫu: <i>Date of receiving</i>	11/01/2021																				
4. Nơi gửi mẫu: <i>Customer</i>																					
5. Địa chỉ : <i>Address</i>																					
6. Địa điểm thử nghiệm: <i>Location of testing</i>	Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHS (LAS – XD 238)																				
7. Phương pháp thử nghiệm <i>Test method:</i>	TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 ASTM A666-00; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng																				
8. Thiết bị thử nghiệm <i>Equipment</i>	Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo – nén – uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch																				
9. Kết quả : <i>Test results</i>	Xem trang sau																				
Người thực hiện <i>(Verifier)</i>  KS. Trần Tuấn Kha		P. GIÁM ĐỐC <i>(P. Director)</i>  PHÓ GIÁM ĐỐC KS. Bùi Đình Kiến																			
Ghi chú/ Note: (*) Không quy định/ Not specified 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ Test results are valid for the namely submitted samples(s) only. 2. Mẫu kiểm tra được thực hiện bởi đơn vị có chức năng thực hiện theo Tiêu chuẩn và Quy định hiện hành Việt Nam./ Sample testing is done by a functional agency in accordance with current regulations, Vietnamese Standards and Standards 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu nơi gửi mẫu./ Name of sample and customer are written as customer's request 4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time save sample seven to day from to day have results.																					
www.kiemdinhantoan3.com.vn																					

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

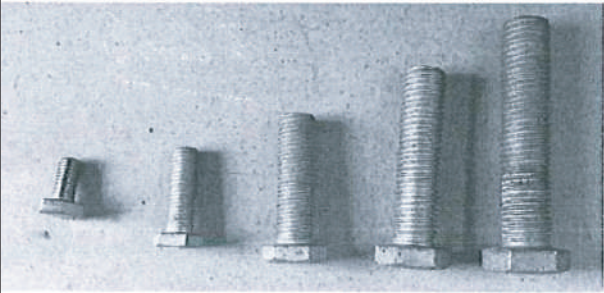
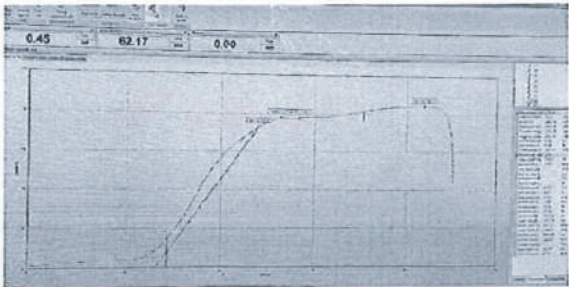


Số: ...99.../KD-SIC3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	11/01/2021
----------------------	---	------------

9. Kết quả/Test results :

	Tên chỉ tiêu (Specifications)	Kết quả (Test results)
A. THỬ KÉO/ TENSILE TEST:		
1.	Thử kéo Bulon & đai ốc M8x25 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 13,5
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 432
2.	Thử kéo Bulon & đai ốc M10x25 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 15,2
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 441
3.	Thử kéo Bulon & đai ốc M12x30 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 15,8
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 446
4.	Thử kéo Bulon & đai ốc M16x60 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 23,5
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 459
5.	Thử kéo Bulon & đai ốc M18x80 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 27,2
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 471
6.	Thử kéo Bulon & đai ốc M20x100 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 30,3
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 514

* Hình mẫu thử :

▶ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

  		ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN 3 3 SAFETY INSPECTION JOINT STOCK COMPANY Add: 198/17 Đường Thích Phổ Giác, Ward 17, Bình Thạnh Dist., Ho Chi Minh City Tel: 028. 3512 2321 - 028. 3510 6415 - Fax: 028. 3510.5211 - 028.3840.4643 Email: sic3@kiemdinhantoan3.com.vn - Website: www.kiemdinhantoan3.com.vn		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC Ngày 11 tháng 01 năm 2021	
Số: 07...../KD-SIC3		PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)		11/01/2021	
1. Tên mẫu/ Số lượng: Name of sample/ Quantity:		Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu, dài 30cm)			
2. Mô tả mẫu: Description		Tyren treo (M6; M8; M10; M12; M14; M16)			
3. Ngày nhận mẫu: Date of receiving		11/01/2021			
4. Nơi gửi mẫu: Customer					
5. Địa chỉ : Address					
6. Địa điểm thử nghiệm: Location of testing		Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHS (LAS – XD 238)			
7. Phương pháp thử nghiệm: Test method:		TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 ASTM A666-00; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng			
8. Thiết bị thử nghiệm: Equipment		Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo – nén – uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch			
9. Kết quả : Test results		Xem trang sau			
Người thực hiện (Verifier)  Ks. Trần Tuấn Kha		P.GIÁM ĐỐC (P. Director)  Ks. Bùi Đình Hiến			
Ghi chú/ Note: (*) Không quy định/ Not specified 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ Test results are valid for the namely submitted samples(s) only. 2. Mẫu kiểm tra được thực hiện bởi đơn vị có chức năng thực hiện theo Tiêu chuẩn và Quy định hiện hành Việt Nam./ Sample testing is done by a functional agency in accordance with current regulations, Vietnamese Standards and Standards 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu nơi gửi mẫu./Name of sample and customer are written as customer's request 4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time save sample seven to day from to day have results.					
www.kiemdinhantoan3.com.vn					

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)



Số: 38 /KD-SIC3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	11/01/2021
------------------------	---	------------

9. Kết quả/Test results :

Tên chỉ tiêu (Specifications)			Kết quả (Test results)
A. THỬ KÉO/ TENSILE TEST:			
1.	Thử kéo Tyren M6 (Tensile Test of M6)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	5,63
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	438
2.	Thử kéo Tyren M8 (Tensile Test of M8)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	15,8
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	435
3.	Thử kéo Tyren M10 (Tensile Test of M10)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	30,1
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	441
4.	Thử kéo Tyren M12 (Tensile Test of M12)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	39,5
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	446
5.	Thử kéo Tyren M14 (Tensile Test of M14)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	56,7
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	472
6.	Thử kéo Tyren M16 (Tensile Test of M16)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	76,2
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	493

* Hình mẫu thử :

Số: 210114 KBL.MT.HOP.A09 /A9-XD 938

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM / TEST REPORT

III. HÌNH ẢNH MẪU THỬ / PICTURE OF SAMPLE:



▶ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

  		ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN 3 3 SAFETY INSPECTION JOINT STOCK COMPANY Add: 100/17 Đường Bình Phú St, Ward 17, Bình Thạnh Dist., Ho Chi Minh City Tel: 028. 3512 2321 - 028. 3510 6415 - Fax: 028. 3510.6211 - 028.3840.4643 Email: sic3@kiemdinhantoan3.com.vn - Website: www.kiemdinhantoan3.com.vn		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC Ngày 11 tháng 01 năm 2021	
Số: 07...../KĐ-SIC3		PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)		11/01/2021	
1. Tên mẫu/ Số lượng: Name of sample/ Quantity:		Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu, dài 30cm)			
2. Mô tả mẫu: Description		Cùm U (U21x8; U27x8; U34x8; U42x8; U49x8; U60x10 U76x10; U90x10; U114x10; U140x12; U168x12)			
3. Ngày nhận mẫu: Date of receiving		11/01/2021			
4. Nơi gửi mẫu: Customer					
5. Địa chỉ: Address					
6. Địa điểm thử nghiệm: Location of testing		Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHS (LAS - XD 238)			
7. Phương pháp thử nghiệm: Test method:		TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 ASTM A666-00; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng			
8. Thiết bị thử nghiệm: Equipment		Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo - nén - uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch			
9. Kết quả: Test results		Xem trang sau			
Người thực hiện (Verifier)  KS. Trần Tuấn Kha		P. GIÁM ĐỐC (P. Director)  PHÓ GIÁM ĐỐC KS. Bùi Đình Kiên			
Ghi chú/ Note: (*) Không quy định/ Not specified 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ Test results are valid for the namely submitted samples(s) only. 2. Mẫu kiểm tra được thực hiện bởi đơn vị có chức năng thực hiện theo Tiêu chuẩn và Quy định hiện hành Việt Nam./ Sample testing is done by a functional agency in accordance with current regulations, Vietnamese Standards and Standards 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu nơi gửi mẫu./ Name of sample and customer are written as customer's request 4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time save sample seven to day from to day have results.					
www.kiemdinhantoan3.com.vn					

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

Số: 07...../KĐ-SIC3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

11/01/2021

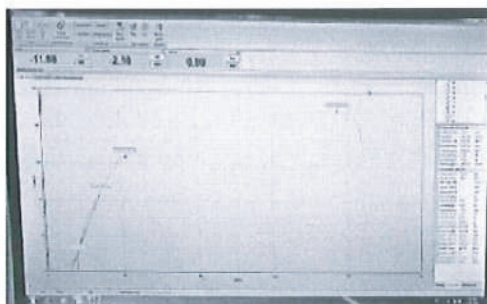
9. Kết quả/Test results :

Tên chỉ tiêu (Specifications)			Kết quả (Test results)
A . THỬ KÉO/ TENSILE TEST:			
1.	Thử kéo Thép Cùm U (U21x8) (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 245 (Mpa)	248
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 400 ÷ 510 (Mpa)	438
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 21(min)	24
2.	Thử kéo Thép Cùm U (U27x8) (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 245 (Mpa)	256
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 400 ÷ 510 (Mpa)	452
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 21(min)	24
3.	Thử kéo Thép Cùm U (U34x8) (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 245 (Mpa)	264
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 400 ÷ 510 (Mpa)	472
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 21(min)	25
4.	Thử kéo Thép Cùm U (U42x8) (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 245 (Mpa)	268
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 400 ÷ 510 (Mpa)	476
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 21(min)	26
5.	Thử kéo Thép Cùm U (U49x8) (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 245 (Mpa)	275
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 400 ÷ 510 (Mpa)	490
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 21(min)	27
6.	Thử kéo Thép Cùm U (U60x10) (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 245 (Mpa)	286
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 400 ÷ 510 (Mpa)	496

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 21(min)	28
7.	Thử kéo Thép Cùm U (U76x10) (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 245 (Mpa)	248
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 400 ÷ 510 (Mpa)	438
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 21(min)	24
8.	Thử kéo Thép Cùm U (U90x10) (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 245 (Mpa)	296
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 400 ÷ 510 (Mpa)	505
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 21(min)	30
9.	Thử kéo Thép Cùm U (U114x10) (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 245 (Mpa)	282
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 400 ÷ 510 (Mpa)	496
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 21(min)	32
10.	Thử kéo Thép Cùm U (U140x12) (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 245 (Mpa)	268
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 400 ÷ 510 (Mpa)	486
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 21(min)	28
11.	Thử kéo Thép Cùm U (U168x12) (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 245 (Mpa)	290
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 400 ÷ 510 (Mpa)	502
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 21(min)	26

* Hình mẫu thử :



▶ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

  		ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN 3 3 SAFETY INSPECTION JOINT STOCK COMPANY Add: 198/17 Điện Biên Phủ St, Ward 17, Bình Thạnh Dist., Ho Chi Minh City Tel: 028. 3512 2321 - 028. 3510 6415 - Fax: 028. 3510 6211 - 028. 3810 4943 Email: sic3@kiemdinhantoan3.com.vn - Website: www.kiemdinhantoan3.com.vn		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC Ngày 11 tháng 01 năm 2021	
Số: 06.../KĐ-SIC3		PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)		11/01/2021	
1. Tên mẫu/ Số lượng: <i>Name of sample/ Quantity:</i>		Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu, dài 30cm)			
2. Mô tả mẫu: <i>Description:</i>		Thép hình V; U (Shape Steel) (V3; V4; V5; U80; U100) Nhúng nóng/ Hàng thường			
3. Ngày nhận mẫu: <i>Date of receiving:</i>		11/01/2021			
4. Nơi gửi mẫu: <i>Customer:</i>					
5. Địa chỉ: <i>Address:</i>					
6. Địa điểm thử nghiệm: <i>Location of testing:</i>		Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHS (LAS - XD 238)			
7. Phương pháp thử nghiệm: <i>Test method:</i>		TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 ASTM A666-00; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng			
8. Thiết bị thử nghiệm: <i>Equipment:</i>		Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo - nén - uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch			
9. Kết quả: <i>Test results:</i>		Xem trang sau			
Người thực hiện (Verifier)  KS. Trần Tuấn Kha		P. GIÁM ĐỐC (P. Director)  KS. Bùi Đình Hiền			
Ghi chú/ Note: (*) Không quy định/ Not specified 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted samples(s) only. 2. Mẫu kiểm tra được thực hiện bởi đơn vị có chức năng thực hiện theo Tiêu chuẩn và Quy định hiện hành Việt Nam. / Sample testing is done by a functional agency in accordance with current regulations, Vietnamese Standards and Standards 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu nơi gửi mẫu. / Name of sample and customer are written as customer's request 4. Thời gian làm mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time save sample seven to day from to day have results.					
www.kiemdinhantoan3.com.vn					

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E)
QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

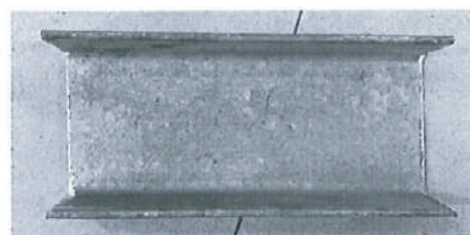
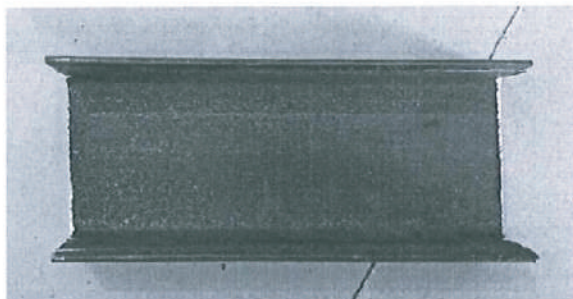
Số: ..06...../KĐ-SIC3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	11/01/2021
-----------------------	---	------------

9. Kết quả/Test results :

Tên chỉ tiêu (Specifications)		Kết quả (Test results)
A . THỬ KÉO/ TENSILE TEST:		
1.	Thử kéo Thép hình V3 (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 240 (Mpa)
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 380 (Mpa)
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 25(min)
2.	Thử kéo Thép hình V4 (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 240 (Mpa)
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 380 (Mpa)
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 25(min)
3.	Thử kéo Thép hình V5 (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 240 (Mpa)
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 380 (Mpa)
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 25(min)
4.	Thử kéo Thép hình U80 (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 245 (Mpa)
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 400 ÷ 510 (Mpa)
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 21(min)
5.	Thử kéo Thép hình U100 (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 245 (Mpa)
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 400 ÷ 510 (Mpa)
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 21(min)

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

* Hình mẫu thử :



▶ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

  		ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN 3 3 SAFETY INSPECTION JOINT STOCK COMPANY Add: 19B/17 Điện Biên Phủ St., Ward 17, Bình Thạnh Dist., Ho Chi Minh City Tel: 028 3512 2321 - 023. 3510 0415 - Fax: 028 3510 8211 - 028 3840 4843 Email: sic3@kiemdinhantoan3.com.vn - Website: www.kiemdinhantoan3.com.vn	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC Ngày 11 tháng 01 năm 2021
Số: ...05.../KD-SIC3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)		11/01/2021
1. Tên mẫu/ Số lượng: Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu) Name of sample/ Quantity:			
2. Mô tả mẫu: Bulon (M8x25; M12x30; M16x60; M20x100; M10x25 Description: M14x60; M18x80)			
3. Ngày nhận mẫu: 11/01/2021 Date of receiving:			
4. Nơi gửi mẫu: Customer			
5. Địa chỉ: Address			
6. Địa điểm thử nghiệm: Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHS (LAS - XD 238) Location of testing:			
7. Phương pháp thử nghiệm: TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 Test method: ASTM A666-00; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng			
8. Thiết bị thử nghiệm: Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo - Equipment: nén - uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch			
9. Kết quả: Xem trang sau Test results:			
Người thực hiện (Verifier)  KS. Trần Tuấn Kha		P.GIÁM ĐỐC (P. Director)  PHÓ GIÁM ĐỐC KS. Bùi Đình Hiền	
Ghi chú/ Note: (*) Không quy định/ Not specified 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ Test results are valid for the namely submitted samples(s) only 2. Mẫu kiểm tra được thực hiện bởi đơn vị có chức năng thực hiện theo Tiêu chuẩn và Quy định hiện hành Việt Nam./ Sample testing is done by a functional agency in accordance with current regulations, Vietnamese Standards and Standards 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu nơi gửi mẫu./ Name of sample and customer are written as customer's request 4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time save sample seven to day from to day have results.			
www.kiemdinhantoan3.com.vn			

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

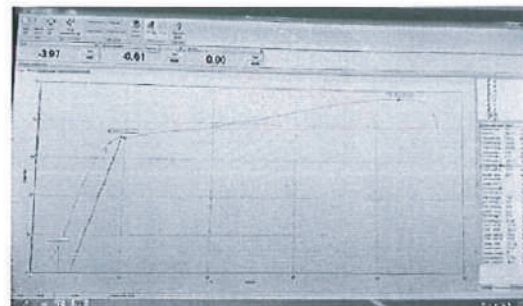


Số ANH-P.05/KD-SIC3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	11/01/2021
---------------------	---	------------

9. Kết quả/Test results :

Tên chỉ tiêu (Specifications)			Kết quả (Test results)
A. THỬ KÉO/ TENSILE TEST:			
1.	Thử kéo Bulon & đai ốc M8x25 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	12,4
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	422
2.	Thử kéo Bulon & đai ốc M12x30 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	14,8
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	439
3.	Thử kéo Bulon & đai ốc M16x60 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	23,4
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	458
4.	Thử kéo Bulon & đai ốc M20x100 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	24,6
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	465
5.	Thử kéo Bulon & đai ốc M10x25 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	14,8
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	436
6.	Thử kéo Bulon & đai ốc M14x60 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	22,6
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	455
7.	Thử kéo Bulon & đai ốc M18x80 (Tensile Test of bolt-nut)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	26,6
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	468

* Hình mẫu thử :



► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

  		ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN 3 3 SAFETY INSPECTION JOINT STOCK COMPANY Add: 198/17 Điện Biên Phủ St., Ward 17, Bình Thạnh Dist., Ho Chi Minh City Tel: 028. 3510 2321 - 028. 3510 6415 - Fax: 028. 3510 6211 - 028.3910.4643 Email: sic3@kiemdinhantoan3.com.vn - Website: www.kiemdinhantoan3.com.vn		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC Ngày 11 tháng 01 năm 2021	
Số: 04/KD-SIC3		PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)		11/01/2021	
1. Tên mẫu/ Số lượng: Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu) Name of sample/ Quantity:					
2. Mô tả mẫu: Đai treo (Cùm treo) Ống/ Pipe Clamp (21; 27; 34; 42; 49; 60; 76; 90; 114; 140; 168) Description:					
3. Ngày nhận mẫu: 11/01/2021 Date of receiving:					
4. Nơi gửi mẫu: Customer:					
5. Địa chỉ: Address:					
6. Địa điểm thử nghiệm: Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHS (LAS - XD 238) Location of testing:					
7. Phương pháp thử nghiệm: TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 Test method: ASTM A666-00; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng					
8. Thiết bị thử nghiệm: Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo - nén - uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch Equipment:					
9. Kết quả: Xem trang sau Test results:					
Người thực hiện (Verifier)  KS. Trần Tuấn Kha		P. GIÁM ĐỐC (P. Director)  PHÓ GIÁM ĐỐC KS. Bùi Đình Hiến			
Ghi chú/ Note: (*) Không quy định/ Not specified 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ Test results are valid for the namely submitted samples(s) only. 2. Mẫu kiểm tra được thực hiện bởi đơn vị có chức năng thực hiện theo Tiêu chuẩn và Quy định liên hành Việt Nam./ Sample testing is done by a functional agency in accordance with current regulations, Vietnamese Standards and Standards 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu nơi gửi mẫu./ Name of sample and customer are written as customer's request 4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time save sample seven to day from to day have results.					
www.kiemdinhantoan3.com.vn					

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

Số: <u>04</u> .../KD-SIC3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	11/01/2021
---------------------------	---	------------

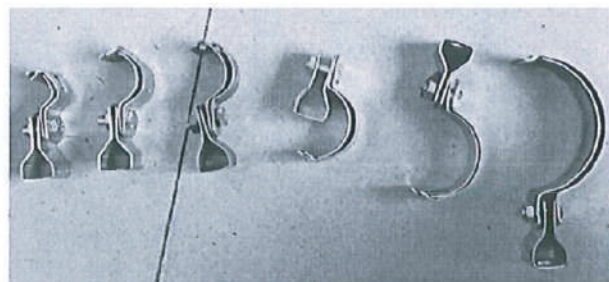
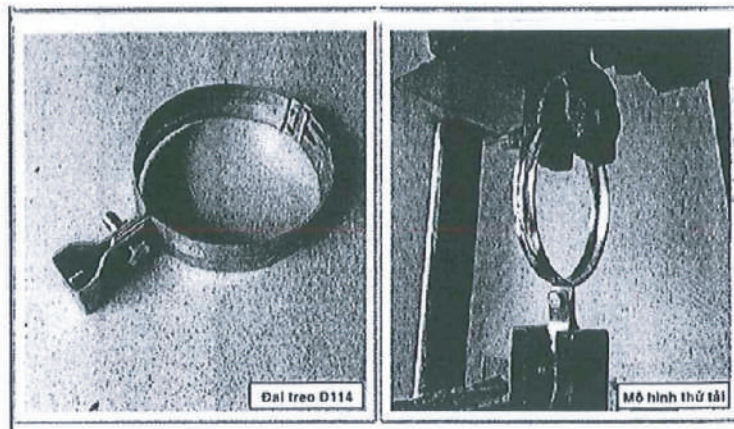
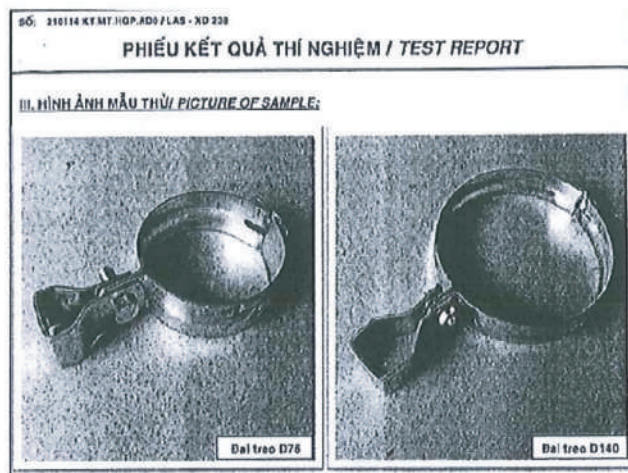
9. Kết quả/Test results :

Tên chỉ tiêu (Specifications)		Kết quả (Test results)
A. THỬ KÉO/ TENSILE TEST:		
1.	Thử kéo Đai treo 21-DN15, t=1,5mm (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 15,4
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 303
2.	Thử kéo Đai treo 27-DN20, t=1,5mm (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 15,8
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 306
3.	Thử kéo Đai treo 34-DN25, t=1,5mm (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 16,5
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 310
4.	Thử kéo Đai treo 42-DN32, t=1,5mm (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 16,8
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 318
5.	Thử kéo Đai treo 49-DN40, t=1,5mm (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 18,8
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 349
6.	Thử kéo Đai treo 60-DN50, t=1,5mm (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 21
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 365
7.	Thử kéo Đai treo 76-DN65, t=1,5mm (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 22,2
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 371
8.	Thử kéo Đai treo 90-DN80, t=1,5mm (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 38,9
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 377
9.	Thử kéo Đai treo 114-DN100, t=1,5mm (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 48,9
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 399
10.	Thử kéo Đai treo 140-DN125, t=1,5mm (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 49,9
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa) 405
11.	Thử kéo Đai treo 168-DN150,	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN) 50,2

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

t=1,5mm (Tensile Test)	- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: (Mpa)	408
---------------------------	--	-----

* Hình mẫu thử :



▶ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

			ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN 3 3 SAFETY INSPECTION JOINT STOCK COMPANY Add: 158/17 Điện Biên Phủ St., Ward 17, Bình Thạnh Dist., Ho Chi Minh City Tel: 028. 3512 2321 - 028. 3510 8415 - Fax: 028. 3510 6211 - 028. 3940 4643 Email: sic3@kiemdinhantoan3.com.vn - Website: www.kiemdinhantoan3.com.vn	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Ngày 11 tháng 01 năm 2021
Số: 03.../KD-SIC3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)			11/01/2021
1. Tên mẫu/ Số lượng: Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu) Name of sample/ Quantity: 2. Mô tả mẫu: Tắc kê dạn (Tắc kê nở đóng)/ Drop In Anchor (6; 8; 10; 12; 16) Description 3. Ngày nhận mẫu: 11/01/2021 Date of receiving 4. Nơi gửi mẫu: Customer 5. Địa chỉ : Address 6. Địa điểm thử nghiệm: Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHS (LAS – XD 238) Location of testing 7. Phương pháp thử nghiệm: TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 Test method: ASTM A666-00; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng 8. Thiết bị thử nghiệm: Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo – nén – uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch Equipment 9. Kết quả : Xem trang sau Test results				
Người thực hiện (Verifier)  KS. Trần Tuấn Kha		GIÁM ĐỐC (P. Director)  PHÓ GIÁM ĐỐC KS. Bùi Đình Hiền		
Ghi chú/ Note: (*) Không quy định/ Not specified 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ Test results are valid for the namely submitted samples(s) only. 2. Mẫu kiểm tra được thực hiện bởi đơn vị có chức năng thực hiện theo Tiêu chuẩn và Quy định hiện hành Việt Nam./ Sample testing is done by a functional agency in accordance with current regulations, Vietnamese Standards and Standards 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu nơi gửi mẫu./ Name of sample and customer are written as customer's request 4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time save sample seven to day from to day have results.				
www.kiemdinhantoan3.com.vn				

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

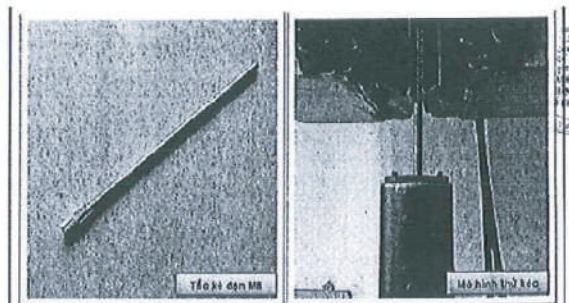


S6: .../KĐ-SIC3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	11/01/2021
-----------------	---	------------

9. Kết quả/Test results :

Tên chỉ tiêu (Specifications)			Kết quả (Test results)
A . THỬ KÉO/ TENSILE TEST:			
1.	Thử kéo Tắc kê đạn / Drop In Anchor M6 (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	152
2.	Thử kéo Tắc kê đạn / Drop In Anchor M8 (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	16,3
3.	Thử kéo Tắc kê đạn / Drop In Anchor M10 (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	22,5
4.	Thử kéo Tắc kê đạn / Drop In Anchor M12 (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	52,4
5.	Thử kéo Tắc kê đạn / Drop In Anchor M16 (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	82,6

* Hình mẫu thử :



▶ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

			ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN 3 3 SAFETY INSPECTION JOINT STOCK COMPANY Add: 150/17 Dien Bien Phu St., Ward 17, Binh Thanh Dist., Ho Chi Minh City Tel: 028. 3512 2321 - 028. 3510 6415 - Fax: 028. 3510.6211 - 028.3840.4843 Email: sic3@kiemdinhantoan3.com.vn - Website: www.kiemdinhantoan3.com.vn	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Ngày 11 tháng 01 năm 2021																	
Số: ...02.../KD-SIC3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)		11/01/2021																		
<table border="0"> <tr> <td>1. Tên mẫu/ Số lượng: Name of sample/ Quantity:</td> <td>Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu, dài 30cm)</td> </tr> <tr> <td>2. Mô tả mẫu: Description</td> <td>Cáp/ Cable (ø8; ø10; ø12)</td> </tr> <tr> <td>3. Ngày nhận mẫu: Date of receiving</td> <td>11/01/2021</td> </tr> <tr> <td>4. Nơi gửi mẫu: Customer</td> <td></td> </tr> <tr> <td>5. Địa chỉ : Address</td> <td></td> </tr> <tr> <td>6. Địa điểm thử nghiệm: Location of testing</td> <td>Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHIS (LAS – XD 238)</td> </tr> <tr> <td>7. Phương pháp thử nghiệm: Test method:</td> <td>TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 TCVN 5757:1993; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng</td> </tr> <tr> <td>8. Thiết bị thử nghiệm: Equipment</td> <td>Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo – nén – uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch</td> </tr> <tr> <td>9. Kết quả : Test results</td> <td>Xem trang sau</td> </tr> </table>				1. Tên mẫu/ Số lượng: Name of sample/ Quantity:	Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu, dài 30cm)	2. Mô tả mẫu: Description	Cáp/ Cable (ø8; ø10; ø12)	3. Ngày nhận mẫu: Date of receiving	11/01/2021	4. Nơi gửi mẫu: Customer		5. Địa chỉ : Address		6. Địa điểm thử nghiệm: Location of testing	Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHIS (LAS – XD 238)	7. Phương pháp thử nghiệm: Test method:	TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 TCVN 5757:1993; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng	8. Thiết bị thử nghiệm: Equipment	Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo – nén – uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch	9. Kết quả : Test results	Xem trang sau
1. Tên mẫu/ Số lượng: Name of sample/ Quantity:	Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu, dài 30cm)																				
2. Mô tả mẫu: Description	Cáp/ Cable (ø8; ø10; ø12)																				
3. Ngày nhận mẫu: Date of receiving	11/01/2021																				
4. Nơi gửi mẫu: Customer																					
5. Địa chỉ : Address																					
6. Địa điểm thử nghiệm: Location of testing	Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHIS (LAS – XD 238)																				
7. Phương pháp thử nghiệm: Test method:	TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 TCVN 5757:1993; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng																				
8. Thiết bị thử nghiệm: Equipment	Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo – nén – uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch																				
9. Kết quả : Test results	Xem trang sau																				
Người thực hiện (Verifier)  KS. Trần Tuấn Kha		P. GIÁM ĐỐC (P. Director)  PHÓ GIÁM ĐỐC KS. Bùi Đình Hiến																			
Ghi chú/ Note: (*) Không quy định/ Not specified 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến / Test results are valid for the namely submitted samples(s) only. 2. Mẫu kiểm tra được thực hiện bởi đơn vị có chức năng thực hiện theo Tiêu chuẩn và Quy định hiện hành Việt Nam. / Sample testing is done by a functional agency in accordance with current regulations, Vietnamese Standards and Standards 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu nơi gửi mẫu. / Name of sample and customer are written as customer's request 4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả / Time save sample seven to day from to day have results.																					
www.kiemdinhantoan3.com.vn																					

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

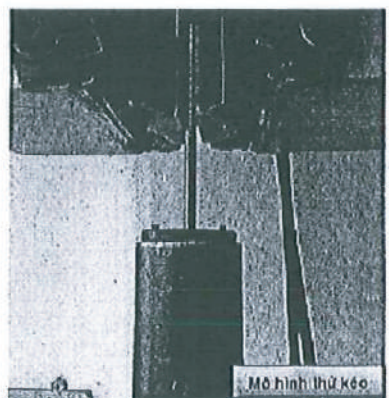
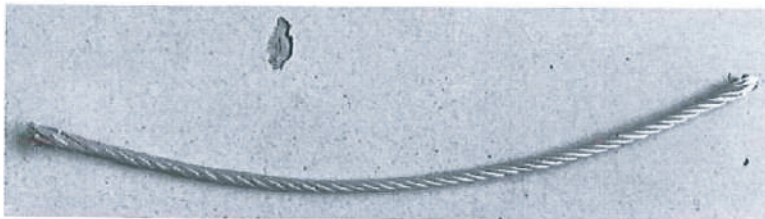


Số:02../KD-SIC3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	11/01/2021
----------------------	---	------------

9. Kết quả/Test results :

Tên chỉ tiêu (Specifications)			Kết quả (Test results)
A . THỬ KÉO/ TENSILE TEST:			
1.	Thử kéo Cáp/ Cable $\phi 8$ (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	46,7
2.	Thử kéo Cáp/ Cable $\phi 10$ (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	78,1
3.	Thử kéo Cáp/ Cable $\phi 12$ (Tensile Test)	- Lực kéo đứt/Tensile load: (kN)	104,2

* Hình mẫu thử :



► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E) QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)

			ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN 3 3 SAFETY INSPECTION JOINT STOCK COMPANY Add: 198/17 Điện Biên Phủ St., Ward 17, Bình Thạnh Dist., Hồ Chí Minh City Tel: 028. 3512 2321 - 028. 3510 6416 - Fax: 028. 3510 6211 - 028. 3840 4643 Email: sic3@kiemdinhantoan3.com.vn - Website: www.kiemdinhantoan3.com.vn	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Ngày 11 tháng 01 năm 2021																	
Số: 01...../KD-SIC3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)		11/01/2021																		
<table border="0"> <tr> <td>1. Tên mẫu/ Số lượng: Name of sample/ Quantity:</td> <td>Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu, dài 1m)</td> </tr> <tr> <td>2. Mô tả mẫu: Description</td> <td>Thanh chống Đa Năng HGP (UNI-STRUT 41x41x2,5mm; L=1m) Nhúng nóng/ Hàng mạ</td> </tr> <tr> <td>3. Ngày nhận mẫu: Date of receiving</td> <td>11/01/2021</td> </tr> <tr> <td>4. Nơi gửi mẫu: Customer</td> <td></td> </tr> <tr> <td>5. Địa chỉ : Address</td> <td></td> </tr> <tr> <td>6. Địa điểm thử nghiệm: Location of testing</td> <td>Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHS (LAS - XD 238)</td> </tr> <tr> <td>7. Phương pháp thử nghiệm: Test method:</td> <td>TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 TCVN 5757:1993; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng</td> </tr> <tr> <td>8. Thiết bị thử nghiệm: Equipment</td> <td>Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo - nén - uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch</td> </tr> <tr> <td>9. Kết quả : Test results</td> <td>Xem trang sau</td> </tr> </table>				1. Tên mẫu/ Số lượng: Name of sample/ Quantity:	Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu, dài 1m)	2. Mô tả mẫu: Description	Thanh chống Đa Năng HGP (UNI-STRUT 41x41x2,5mm; L=1m) Nhúng nóng/ Hàng mạ	3. Ngày nhận mẫu: Date of receiving	11/01/2021	4. Nơi gửi mẫu: Customer		5. Địa chỉ : Address		6. Địa điểm thử nghiệm: Location of testing	Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHS (LAS - XD 238)	7. Phương pháp thử nghiệm: Test method:	TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 TCVN 5757:1993; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng	8. Thiết bị thử nghiệm: Equipment	Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo - nén - uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch	9. Kết quả : Test results	Xem trang sau
1. Tên mẫu/ Số lượng: Name of sample/ Quantity:	Mẫu thử (Mỗi loại 01 mẫu, dài 1m)																				
2. Mô tả mẫu: Description	Thanh chống Đa Năng HGP (UNI-STRUT 41x41x2,5mm; L=1m) Nhúng nóng/ Hàng mạ																				
3. Ngày nhận mẫu: Date of receiving	11/01/2021																				
4. Nơi gửi mẫu: Customer																					
5. Địa chỉ : Address																					
6. Địa điểm thử nghiệm: Location of testing	Phòng Kiểm định vật liệu xây dựng BKTECHS (LAS - XD 238)																				
7. Phương pháp thử nghiệm: Test method:	TCVN 197-2014; DIN 3105:2000; TCVN 1916-1995 TCVN 5757:1993; TCVN 197-2002; Theo yêu cầu khách hàng																				
8. Thiết bị thử nghiệm: Equipment	Máy phân tích thành phần hóa học SPECTRO - Máy thử kéo - nén - uốn 1000 kN, thước lá, cân kỹ thuật, dụng cụ khắc vạch																				
9. Kết quả : Test results	Xem trang sau																				
Người thực hiện (Verifier)  KS. Trần Tuấn Kha		P. GIÁM ĐỐC (P. Director)  PHÓ GIÁM ĐỐC KS. Bùi Đình Hiền																			
Ghi chú/ Note: (*) Không quy định/ Not specified 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ Test results are valid for the namely submitted samples(s) only. 2. Mẫu kiểm tra được thực hiện bởi đơn vị có chức năng thực hiện theo Tiêu chuẩn và Quy định hiện hành Việt Nam./ Sample testing is done by a functional agency in accordance with current regulations, Vietnamese Standards and Standards 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu nơi gửi mẫu./ Name of sample and customer are written as customer's request 4. Thời gian hai mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time save sample seven to day from to day have results.																					
www.kiemdinhantoan3.com.vn																					

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ PHỤ M&E)
QUALITY CONTROL (M&E MATERIALS)



Số: <u>01</u>/KĐ-SIC3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	11/01/2021
-----------------------------	---	------------

9. Kết quả/Test results :

	Tên chỉ tiêu (Specifications)	Kết quả (Test results)
A . THỬ KÉO/ TENSILE TEST:		
1.	Thử kéo Thanh chống Đa Năng HGP (UNI-STRUT 41x41x2,5mm; L=1m) (Tensile Test)	- Giới hạn chảy/Tensile strength: 240 (Mpa)
		- Giới hạn bền kéo/Tensile strength: 380 (Mpa)
		- Độ giãn dài (N/mm ²)/Elongation%: 25(min)

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ LẠNH) QUALITY CONTROL (COLD MATERIALS)

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3		
KT3-2366ADI7/1	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	26/09/2017 Trang 01/01

- Tên mẫu : SIMILI THƯỜNG
- Số lượng mẫu : 01
- Mô tả mẫu : Tấm cách điện màu đen không ghi nhãn.
Kích thước ngoài (160 x 95 x 0,5) mm.
- Ngày nhận mẫu : 15/09/2017
- Thời gian thử nghiệm : 22/09/2017-26/09/2017
- Nơi gửi mẫu :
- Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
7.1. Thử cháy theo phương nằm ngang	IEC 60695-11-10 : 2003-08	Đạt (HB40)

P. TRƯỞNG PTN ĐIỆN



Nguyễn Mừng

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Nguyễn Tấn Tùng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2 at 95% confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ LẠNH)
QUALITY CONTROL (COLD MATERIALS)

KT3-01920AXD9/1	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT		26/08/2019 Trang 02/02
7. Kết quả thử nghiệm:			
Tên chỉ tiêu		Kết quả thử nghiệm	Thử dạng mẫu
• Mẫu chưa nung 7.1. Khối lượng, g		66,6	Mẫu là khớp nối bạt : bao gồm 1 tấm vải màu xám (150 x 140) mm kết nối với 2 tấm tole màu bạc (140 x 44) mm 2 bên (xem hình 1) Mẫu còn nguyên hình dạng và màu sắc ban đầu (xem hình 2)
• Mẫu nung ở 280 °C trong 120 phút 7.1. Khối lượng, g		66,4	
			
Hình 1		Hình 2	
			
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3			
	Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam	Tel: (84-28) 3829 4274 Tel: (84-251) 383 6212 Tel: (84-28) 3742 3160	Fax: (84-28) 3829 3012 Fax: (84-251) 383 6298 Fax: (84-28) 3742 3174 Website: www.quatest3.com.vn E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
Lần sửa đổi: 0		BH12 (07/2018) M03/2 - TTTN09	

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ LẠNH) QUALITY CONTROL (COLD MATERIALS)

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3		
KT3-01920AXD9/1	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	26/08/2019 Trang 01/02
1. Tên mẫu : KHỚP NỐI BẠT DẠNG CHỒNG CHÁY 2. Số lượng mẫu : 01 [02 tấm – (150 x 140) mm] 3. Ngày nhận mẫu : 16/08/2019 4. Nơi gửi mẫu : 5. Thời gian thử nghiệm : 19/08/2019 – 26/08/2019 6. Phương pháp thử : QTTN KT3 225 : 2018 7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/02		
PHỤ TRÁCH PTN XÂY DỰNG <i>ch</i> Trần Huỳnh Chương		TL. GIÁM ĐỐC TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  Nguyễn Tấn Tùng
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the merely submitted sample(s) only. 2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. 3. N/A: không áp dụng. / Not applicable. 4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request. 5. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin. Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.		
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3032 Website: www.qltest3.com.vn Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tin-ckh@qltest3.com.vn CS-Isr, KI mới, Cúc Lai Z, Dist. 2, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3742 3160 Fax: (84-28) 3742 3174 E-mail: tin-ckh@qltest3.com.vn		

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ LẠNH)
QUALITY CONTROL (COLD MATERIALS)

KT3-01920AXD9/1	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT		26/08/2019 Trang 02/02
7. Kết quả thử nghiệm:			
Tên chỉ tiêu		Kết quả thử nghiệm	Thử nghiệm mẫu
• Mẫu chưa nung 7.1. Khối lượng, g		66,6	Mẫu là khớp nối bạt : bao gồm 1 tấm vải màu xám (150 x 140) mm kết nối với 2 tấm tole màu bạc (140 x 44) mm 2 bên (xem hình 1) Mẫu còn nguyên hình dạng và màu sắc ban đầu (xem hình 2)
• Mẫu nung ở 280 °C trong 120 phút 7.1. Khối lượng, g		66,4	
			
Hình 1		Hình 2	
			
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3			
	Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam	Tel: (84-28) 3829 4274 Tel: (84-251) 383 6212 Tel: (84-28) 3742 3160	Fax: (84-28) 3829 3012 Fax: (84-251) 383 6298 Fax: (84-28) 3742 3174 Website: www.quatest3.com.vn E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
Lần sửa đổi: 0		BH12 (07/2018) M03/2 - TTTN09	

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ LẠNH) QUALITY CONTROL (COLD MATERIALS)

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3						
KT3-01920AXD9/1	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	26/08/2019 Trang 01/02				
1. Tên mẫu : KHỚP NỐI BẠT DẠNG CHỐNG CHÁY 2. Số lượng mẫu : 01 [02 tấm – (150 x 140) mm] 3. Ngày nhận mẫu : 16/08/2019 4. Nơi gửi mẫu : 5. Thời gian thử nghiệm : 19/08/2019 – 26/08/2019 6. Phương pháp thử : QTTN KT3 225 : 2018 7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/02						
PHỤ TRÁCH PTN XÂY DỰNG  Trần Huỳnh Chương		TL. GIÁM ĐỐC TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  Nguyễn Tấn Tùng				
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the sample(s) submitted only. 2. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. 3. Phiếu: Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3. 3. N/A: không áp dụng. / Not applicable. 4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request. 5. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin. Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.						
<table border="0"> <tr> <td> Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai Z, Dist. 2, HCMC, Vietnam </td> <td> Tel: (84-28) 3829 4274 Tel: (84-251) 383 6212 Tel: (84-28) 3742 3160 </td> <td> Fax: (84-28) 3829 3032 Fax: (84-251) 383 6298 Fax: (84-28) 3742 3174 </td> <td> Website: www.qltest3.com.vn E-mail: qc-qltest3@qltest3.com.vn E-mail: qc-qltest3@qltest3.com.vn </td> </tr> </table>			Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai Z, Dist. 2, HCMC, Vietnam	Tel: (84-28) 3829 4274 Tel: (84-251) 383 6212 Tel: (84-28) 3742 3160	Fax: (84-28) 3829 3032 Fax: (84-251) 383 6298 Fax: (84-28) 3742 3174	Website: www.qltest3.com.vn E-mail: qc-qltest3@qltest3.com.vn E-mail: qc-qltest3@qltest3.com.vn
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai Z, Dist. 2, HCMC, Vietnam	Tel: (84-28) 3829 4274 Tel: (84-251) 383 6212 Tel: (84-28) 3742 3160	Fax: (84-28) 3829 3032 Fax: (84-251) 383 6298 Fax: (84-28) 3742 3174	Website: www.qltest3.com.vn E-mail: qc-qltest3@qltest3.com.vn E-mail: qc-qltest3@qltest3.com.vn			

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (VẬT TƯ LẠNH) QUALITY CONTROL (COLD MATERIALS)

KT3-01920BXD9/2	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT		26/08/2019 tháng 02/02															
7. Kết quả thử nghiệm: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Kết quả thử nghiệm</th> <th>Ảnh trạng thái mẫu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> Mẫu chưa nung </td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>7.1. Khối lượng, g</td> <td>66,6</td> <td>Mẫu là khớp nối bạc: bao gồm 1 tấm vải màu xám (150 x 140) mm kết nối với 2 tấm tole màu bạc (140 x 44) mm 2 bên (xem hình 1)</td> </tr> <tr> <td> Mẫu nung ở 280 °C trong 180 phút </td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>7.1. Khối lượng, g</td> <td>66,1</td> <td>Mẫu còn nguyên hình dạng và màu sắc ban đầu (xem hình 2)</td> </tr> </tbody> </table>				Tên chỉ tiêu	Kết quả thử nghiệm	Ảnh trạng thái mẫu	Mẫu chưa nung			7.1. Khối lượng, g	66,6	Mẫu là khớp nối bạc: bao gồm 1 tấm vải màu xám (150 x 140) mm kết nối với 2 tấm tole màu bạc (140 x 44) mm 2 bên (xem hình 1)	Mẫu nung ở 280 °C trong 180 phút			7.1. Khối lượng, g	66,1	Mẫu còn nguyên hình dạng và màu sắc ban đầu (xem hình 2)
Tên chỉ tiêu	Kết quả thử nghiệm	Ảnh trạng thái mẫu																
Mẫu chưa nung																		
7.1. Khối lượng, g	66,6	Mẫu là khớp nối bạc: bao gồm 1 tấm vải màu xám (150 x 140) mm kết nối với 2 tấm tole màu bạc (140 x 44) mm 2 bên (xem hình 1)																
Mẫu nung ở 280 °C trong 180 phút																		
7.1. Khối lượng, g	66,1	Mẫu còn nguyên hình dạng và màu sắc ban đầu (xem hình 2)																
																		
Hình 1		Hình 2																
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Tel: (84-251) 383 6212 Tel: (84-28) 3742 3160 Fax: (84-28) 3829 3012 Fax: (84-251) 383 6298 Fax: (84-28) 3742 3174 Website: www.quatest3.com.vn E-mail: tn-ckh@quatest3.com.vn E-mail: tn-ckh@quatest3.com.vn																		
Lần sửa đổi: 0	BH12 (07/2018)		M03/2 - TTTN09															

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (SILICONE SOUDAL) QUALITY CONTROL (SILICONE SOUDAL)



Confirmation

SOUDAL N.V. confirms that the VOC content of following architectural sealant has been tested in the Soudal lab:

Silirub 908

Sample identification	Silirub 908
Product type	Architectural Sealant
Product data, according to Soudal NV	No exempt compounds present No water present Density 1,40 g/ml

The volatile content has been tested gravimetrically by heating to 110°C during 60 minutes.
The result is:

	Solid content, %mass	Water content, %mass	VOC less water less exempt compounds g/l	VOC limit g/l
Silirub 908	99,05	0	14.70 g/L	50

Conclusion:

Silirub 908 is conform to the LEED requirements v4.1 IEQ Credit 4.1 - Low Emitting Materials regarding the VOC content evaluation, as described in SCAQMD Rule 1167 (Amended 2017). The VOC content is below the specified limit value of 50 grams per liter for architectural sealants.

With this confirmation, use of product Silirub 908 may qualify for fulfillment of LEED requirements v4.1 IEQ Credit 4.1.

April 21st, 2020

Werner Dierckx
Technical Product Manager

Use of US Green Building Council Member logo does not imply that USGBC has approved this confirmation or any mentioned product.

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (SILICONE SOUDAL) QUALITY CONTROL (SILICONE SOUDAL)

**Gemeinschaft Emissionskontrollierte
Verlegewerkstoffe, Klebstoffe und Bauprodukte e.V.**

Association for the Control of Emissions from Products
for Flooring Installation, Adhesives and Building Materials



Awarding of licence for the use of EMICODE

Licence Number: 11046/15.05.06
For the product Firesilicone B1 FR
Of company Soudal NV
Due to application date October 30, 2019

With reference to the classification in accordance with the directives as stipulated in § 10 of the GEV trademark constitution

on behalf of the GEV for the above mentioned product as per § 5, section 4 of the GEV trademark constitution is awarded the licence for the use of the GEV trademark



This product meets with the guidelines for the criteria of use listed reverse.
The company is ordinary member of the GEV.

OM 036 **October 31, 2019**
valid until October 31, 2024

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to the Secretary General of the GEV.

The Secretary General
Association for the Control of Emissions in Products
for Flooring Installation, Adhesives and Building Materials (GEV)
Völklinger Straße 4 · D-40219 Düsseldorf

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (SILICONE SOUDAL) QUALITY CONTROL (SILICONE SOUDAL)

Requirement guidelines for the awarding of the EMICODE licence

The product mentioned on the front side of the licence has to fulfil among others the following criteria in accordance with the Constitution and the guidelines of the Technical Advisory Board of the GEV:

- The product meets all the legal requirements, especially the chemical laws and their specifications.
- The product is solvent free as specified in clause 2.4 of the “GEV Classification Criteria”, except if it is a surface treatment product. If the product is assigned to a GISCODE product group then this can be labelled.
- A safety data sheet (SDS) according to local law in its respectively valid version is issued for the product.
- Carcinogenic, mutagenic, reprotoxic substances of the categories 1A or 1B are not added during the manufacture of the product.
- The testing of the product is performed in accordance with the GEV Testing Method. VOC determination is performed in a test chamber followed by the Tenax / thermal desorption procedures with subsequent GC/MS analysis.
- The assignment of an EMICODE class is performed according to the following criteria and TVOC/TSVOC concentration levels. The corresponding EMICODE class shall be used to label the product:

1) Installation products, adhesives and construction products

Parameter	EC 1 ^{PLUS}	EC 1	EC 2
	max. allowed concentration [$\mu\text{g}/\text{m}^3$]		
TVOC after 3 days	≤ 750	≤ 1000	≤ 3000
TVOC after 28 days	≤ 60	≤ 100	≤ 300
TSVOC after 28 days	≤ 40	≤ 50	≤ 100
R value based on German AgBB LCI (NIK) after 28 days	1	-	-
Sum of non-assessable VOC	≤ 40	-	-
Formaldehyde after 3 days	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Acetaldehyde after 3 days	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Sum of form- and acetaldehyde	$\leq 0.05 \text{ ppm}$	$\leq 0.05 \text{ ppm}$	$\leq 0.05 \text{ ppm}$
Sum of volatile C1A/C1B after 3 days	≤ 10	≤ 10	≤ 10
Any volatile C1A/C1B after 28 days	≤ 1	≤ 1	≤ 1

2) Products for floor surface treatments for parquet, mineral floors and resilient floorings

Parameter	EC 1 ^{PLUS}	EC 1	EC 2
	max. allowed concentration [$\mu\text{g}/\text{m}^3$]		
Sum TVOC + TSVOC after 28 days	≤ 100 thereof max. 40 SVOC	≤ 150 thereof max. 50 SVOC	≤ 450 thereof max. 100 SVOC
Formaldehyde after 3 days	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Acetaldehyde after 3 days	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Any volatile C1A/C1B after 3 days	≤ 10	≤ 10	≤ 10
Any volatile C1A/C1B after 28 days	≤ 1	≤ 1	≤ 1

Edition: 04.10.2017

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (SILICONE SOUDAL) QUALITY CONTROL (SILICONE SOUDAL)



Declaration of conformity

SOUDAL N.V. confirms that the product

Firesilicone B1 FR

is compliant with Model EPD:

Declaration number	EPD-FEI-20150323-IBG1-EN
ECO EPD Ref. No. ECO-00000350	ECO-00000350

Sample identification	Firesilicone B1 FR
Product type	Silicone-based construction sealant

The Association of the European Adhesive and Sealant Industry (FEICA) developed model Environmental Product Declarations for different types of sealants and adhesives. These declarations were certified by IBU (Institut Bauen und Umwelt/Institute Building and Environment).

Soudal, as a FEICA member, is authorized to use these model EPD's. This declaration confirms the compliance of the Soudal product with the specific model EPD.

November 16, 2020

Werner Dierckx
Technical Product Manager

Luc Thys
Director Marketing and R&D

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (SILICONE SOUDAL) QUALITY CONTROL (SILICONE SOUDAL)

This authorisation is valid for the duration of SOUDAL's membership of FEICA, the Association of the European Adhesive and Sealant Industry. For an updated membership list, please consult the FEICA website:

<http://www.feica.eu/about-feica/organigram/members.aspx?ffs=DCM>

Authorisation for the use of FEICA Model Environmental Product Declarations (EPDs)

FEICA, the Association of the European Adhesive and Sealant Industry, has published Model EPDs for the products of FEICA members used in the construction sector. They can be downloaded from the websites of the IBU¹, ECO² or directly from the FEICA³ website.

Unlike product-specific and average declarations, the FEICA Model EPDs are structured according to chemical composition and cover all products within a certain range of formulations and applications. Each FEICA Model EPD represents the worst-case product within its group of representative products, and therefore covers any product with an overall lower environmental impact. In order to determine whether or not a product is covered, FEICA has developed internal guidance for FEICA members.

FEICA hereby confirms that SOUDAL is a member of its association and entitled to use the internal FEICA guidance to determine whether its products are covered by the FEICA Model EPDs. SOUDAL therefore has the right to make reference to the FEICA Model EPDs for its products as long as it has verified compliance. For this purpose, we recommend that FEICA member companies publish a self-declaration certifying compliance of a specific product with the relevant FEICA Model EPD.

¹ <http://construction-environment.com/hp11212/EPD-Overview.htm>

² <http://www.eco-platform.org/list-of-all-eco-epd.html>

³ <http://www.feica.eu/our-priorities/key-projects/epds.aspx>

This document has been designed using the best knowledge currently available, and is to be relied upon at the user's own risk. The information is provided in good faith and no representations or warranties are made with regards to the accuracy or completeness, and no liability will be accepted for any claims made by the companies using this document or any damages of any nature whatsoever resulting from the use or reliance on this paper.



www.feica.eu

FEICA

The Association of the European Adhesive & Sealant Industry
Avenue E. van Nieuwenhuyse, 4 • B-1160 Brussels • Belgium

Phone: +32 (0)2 676 73 20 • Fax: +32 (0)2 676 73 99 • E-mail: info@feica.eu
VAT: BE 0884 334 548 • IBAN: BE75 3630 1746 0451 • BIC/Swift: BBRUBEBB

► KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG (SILICONE SOUDAL) QUALITY CONTROL (SILICONE SOUDAL)



1. General Information

FEICA - Association of the European Adhesive and Sealant Industry

Programme holder

IBU - Institut Bauen und Umwelt e.V.
Panoramastr. 1
10178 Berlin
Germany

Declaration number

EPD-FEI-20150323-IBG1-EN

This Declaration is based on the Product Category Rules:

Building sealants, 07.2014
(PCR tested and approved by the SVR)

Issue date

2/02/2016

Valid to

1/02/2022

Horst J. Bossenmayer

Prof. Dr.-Ing. Horst J. Bossenmayer
(President of Institut Bauen und Umwelt e.V.)

Dr. Burkhard Lehmann

Dr. Burkhard Lehmann
(Managing Director IBU)

Silicone-based construction sealants

Owner of the Declaration

FEICA - Association of the European Adhesive and Sealant Industry
Avenue E. van Nieuwenhuysse 4
1160 Brussels
Belgium

Declared product / Declared unit

1 kg silicone-based construction sealant; density 1.0 - 1.5 g/cm³

Scope:

This validated Declaration entitles the holder to bear the symbol of the *Institut Bauen und Umwelt e.V.* It exclusively applies for products produced in Europe and for a period of five years from the date of issue. This EPD may be used by FEICA members and their members provided it has been proven that the respective product can be represented by this EPD. For this purpose a guideline is available at the FEICA secretariat. The members of FEICA are listed on its website. The owner of the declaration shall be liable for the underlying information and evidence; the IBU shall not be liable with respect to manufacturer information, life cycle assessment data and evidences.

Verification

The CEN Norm /EN 15804/ serves as the core PCR

Independent verification of the declaration
according to /ISO 14025/

☐ internally ☒ externally

Mr Olivier Muller

Mr Olivier Muller
(Independent verifier appointed by SVR)

2. Product

2.1 Product description

Silicone-based construction sealant, filled or unfilled, transparent or pigmented.

Silicone-based construction sealants are manufactured from reactive siloxane and so-called silicone oil, sometimes using fillers, extenders, colour pigments, cross-linkers, bonding agents and catalysts. They permanently and elastically seal joints planned for the building. Silicone-based construction sealants fulfill key functions. Ingress of moisture into the structure via the joints is prevented by joint sealants. By using silicone-based sealants the fitness for use of the building and the service life are decisively extended.

The product displaying the highest environmental impacts was used as a representative product for calculating the Life Cycle Assessment results (worst case-approach).

2.2 Application

Module 1: Façade sealants

Silicone-based construction sealants are used for the elastic sealing of joints. The areas of application for

façade sealants include expansion joints (movement joints) and/or connection joints already existing in exterior walls and on window and door frames (including the inside section). All these sealants fulfill key functions of the building.

Module 2: Sealants for glazing

Silicone-based construction sealants are used for the elastic sealing of joints which may be subject to movement. Sealants for glazing are used in the following areas:

Glass to glass
Glass to frame
Glass to porous substrates

Module 3: Sanitary sealants

The areas of application for silicone-based sanitary sealants are joints in sanitary areas and kitchens. Joints sealed using sanitary sealants comprise connection joints between sanitary furnishings and the wall, connection joints between the floor and wall or movement joints across surfaces, for example.



► ĐỐI TÁC
PARTNERS

Kinden
VIETNAM

SANYO

Yurtec


KANDENKo

 **TAKI-SHA**

Lotus 
GreenTech Ltd.
Your Premier Partner in Advanced Technologies


KURIHARA

HTG 
Engineering & Trading

► DỰ ÁN TIÊU BIỂU | TYPICAL PROJECTS



**Dự án mở rộng sân bay
quốc tế Vientiane**
CHDCND Lào

*Vientiane international airport
expansion project
Lao PDR*

Nhà máy Paihong Vietnam
Lô C_6A_CN, KCN Bàu Bàng
Mở Rộng, Xã Lai Uyên,
Huyện Bàu Bàng.
Tỉnh Bình Dương

*Paihong Vietnam Factory
Lot C_6A_CN, Expanded Bau Bang
Industrial Park, Lai Uyen Commune,
Bau Bang District, Binh Duong*



Nhà máy Worldon Vietnam
KCN Đông Nam Củ Chi

*Worldon Vietnam factory
Southeast Cu Chi Industrial Park*



► DỰ ÁN TIÊU BIỂU | TYPICAL PROJECTS



Nhà máy SMC
Đồng Nai

*SMC factory
Dong Nai Province*

Nhà máy YKK Vietnam
KCN Nhơn Trạch 3
Đồng Nai

*YKK Vietnam Factory
Nhon Trach 3 Industrial Park
Dong Nai Province*



Nhà máy Nipro Vietnam
Khu CNC Quận 9, Tp.HCM

*Nipro Vietnam Factory
High Tech Park District 9, HCMC*



► DỰ ÁN TIÊU BIỂU | TYPICAL PROJECTS



Vina Cosmo
KCX Tân Thuận, Quận 7

*Vina Cosmo
Tan Thuan EPZ, District 7*

Sakata Bình Dương

Sakata Binh Duong



Dự án AEON Bình Tân

AEON Binh Tan project

► DỰ ÁN TIÊU BIỂU | TYPICAL PROJECTS



METRO
Bến Thành - Suối Tiên

METRO
Ben Thanh - Suoi Tien

Nhà máy Nitori
Vũng Tàu

Nitori Factory
Vung Tau



Nhà máy Yuwa Vietnam

Yuwa Vietnam Factory

► DỰ ÁN TIÊU BIỂU | TYPICAL PROJECTS



Nhà máy Olympus
Long Thành

*Olympus Factory
Long Thành*

Vincom Landmark 81

Vincom Landmark 81



AEON Tân phú
Mở rộng

*AEON Tân Phú
Expansion*



haianhkhong.com

CHI TIẾT NHỎ - GẮN KẾT LỚN

CÔNG TY TNHH HẢI ANH KHANG

CHUYÊN SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI TY REN, BU LÔNG, ĐAI ỐC, TOLE NHỰA, KEO DÁN...

Trụ Sở: 108/64A1 Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3, HCM

Hotline: 0987.033.345 | Website: www.haianhkhong.com

HAI ANH KHANG LIMITED COMPANY

Specializes in manufacturing and distributing threaded rod, bolts, nuts, plastic sheet, glue...

Head office: 108/64A1 Tran Quang Dieu, Ward 14, District 3, HCMC

Hotline: 0987.033.345 | Website: www.haianhkhong.com